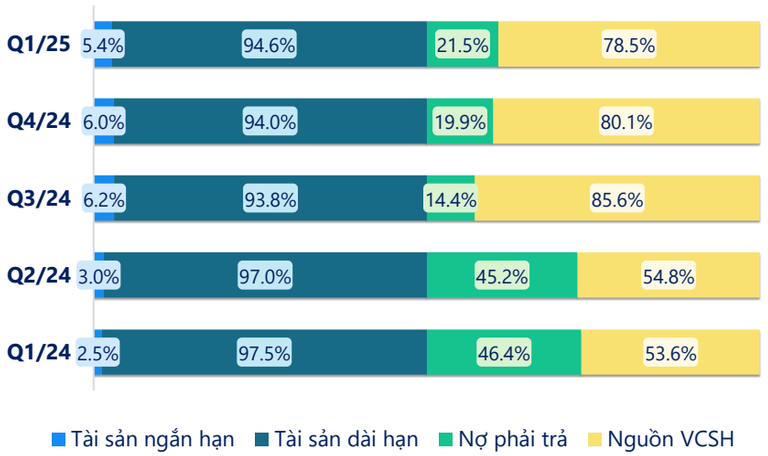
FireAnt

CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	16,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,000
SL cổ phiếu LH	47,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	772
P/E	85.7
EPS	191

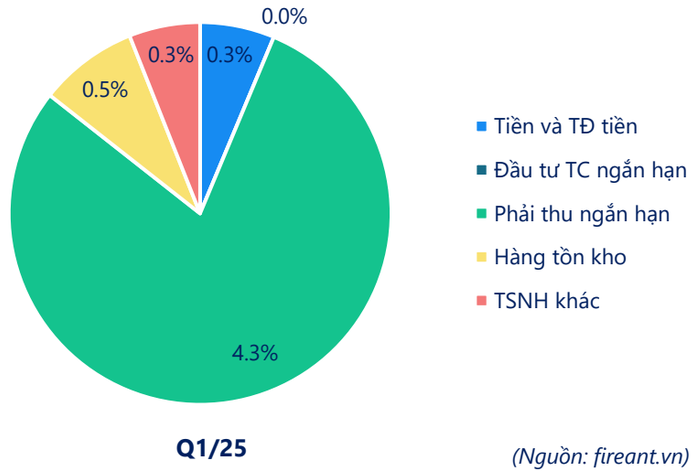
	YTD	1T	3T	6T
DSD	0.0%	0.0%	2.5%	-18.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



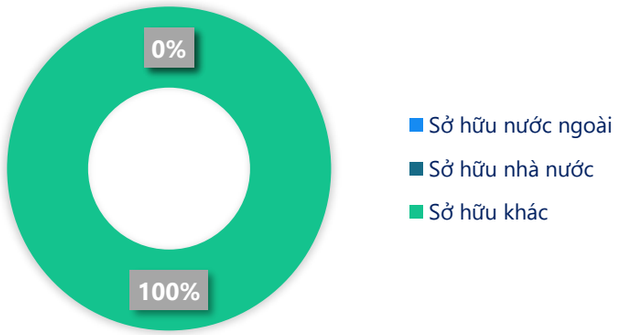
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



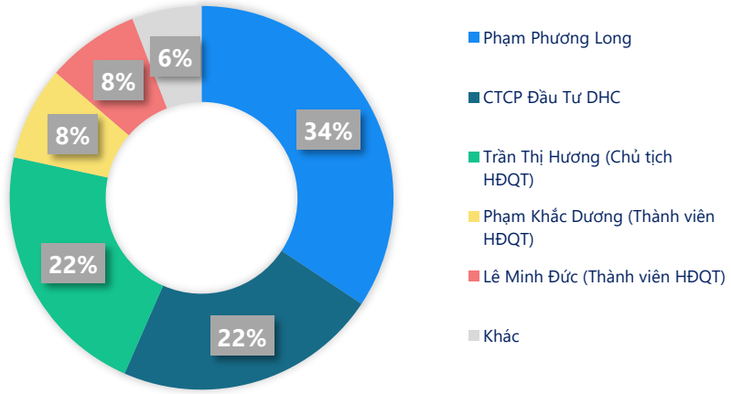
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



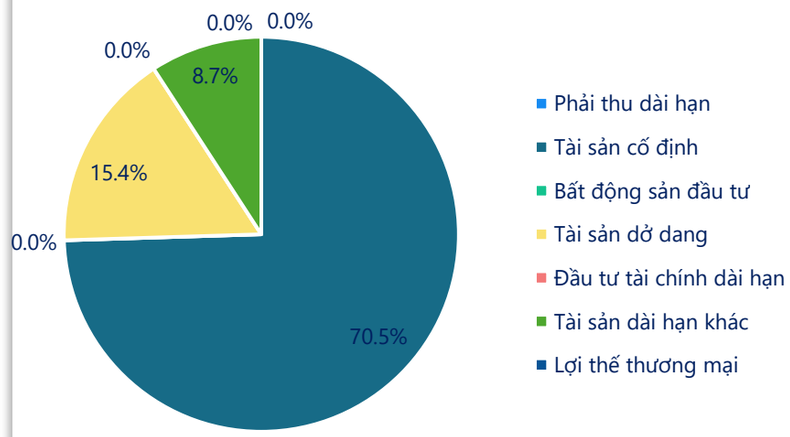
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

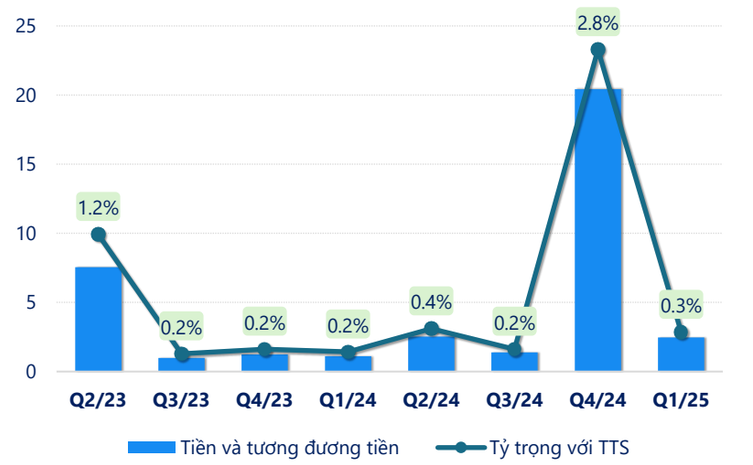


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

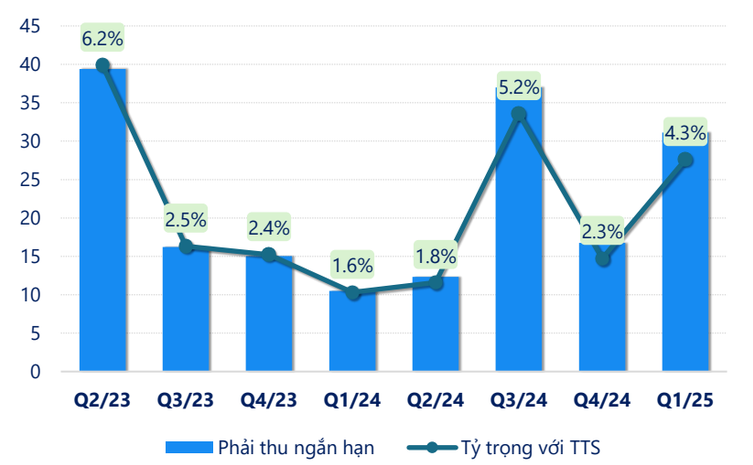
CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)

Tiền và tương đương tiền



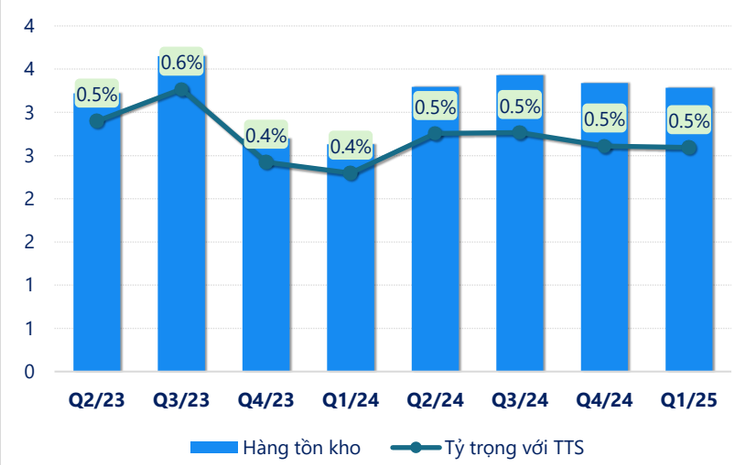
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



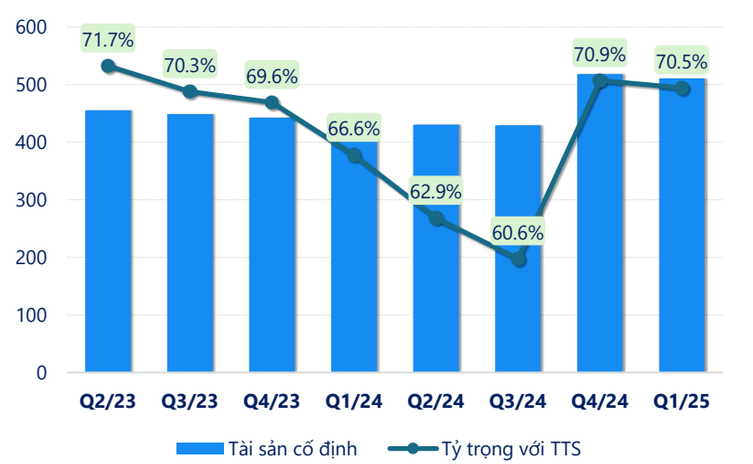
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



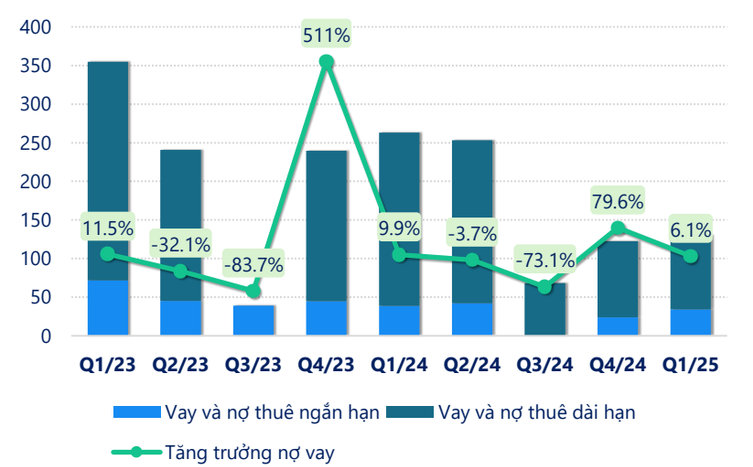
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



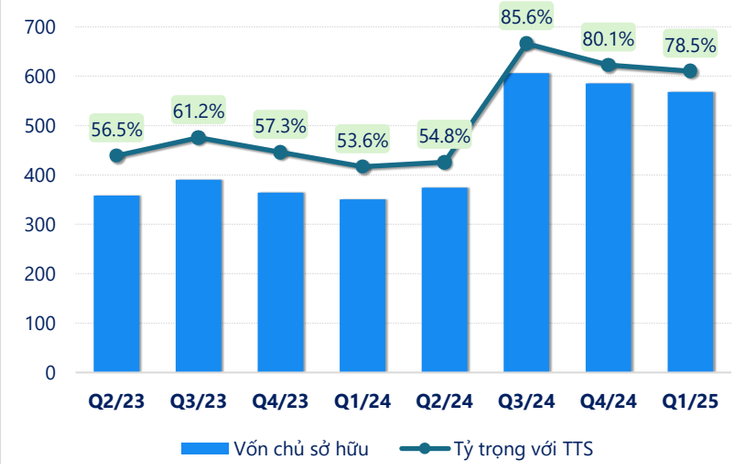
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

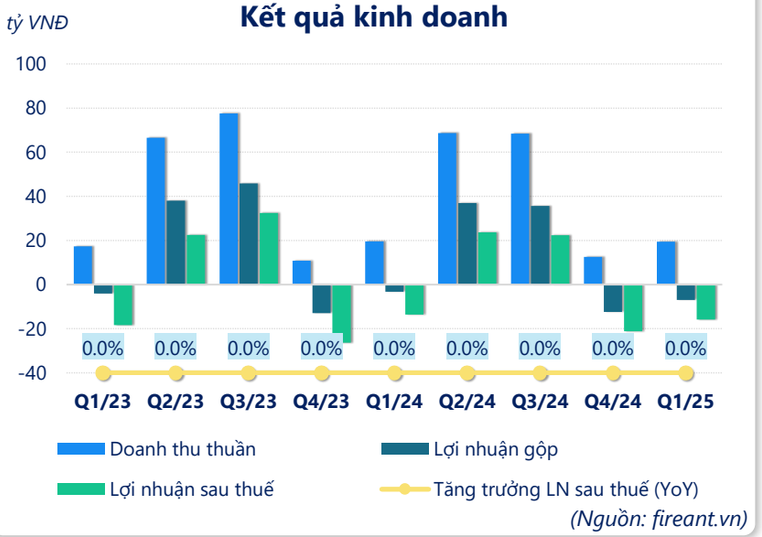


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

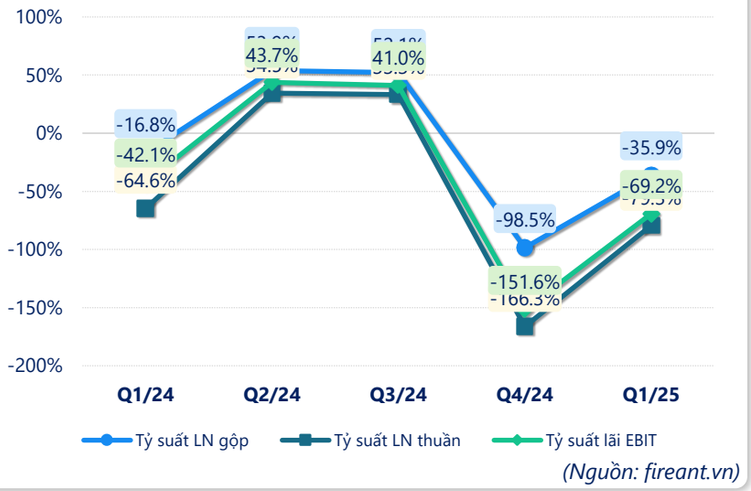
CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)

Kết quả kinh doanh



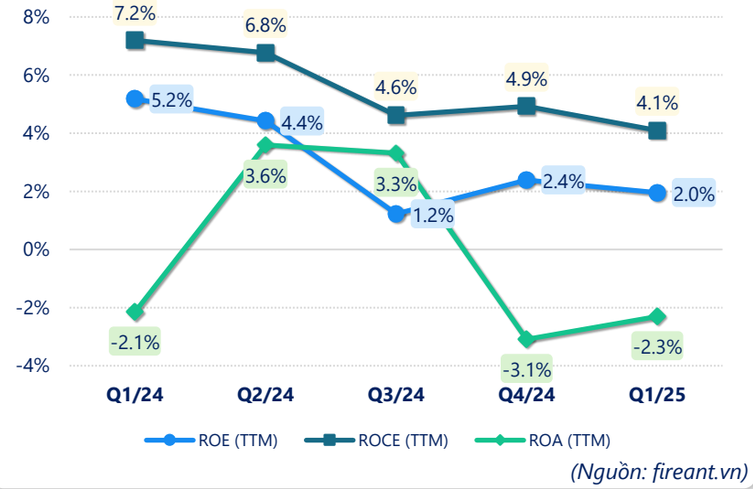
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



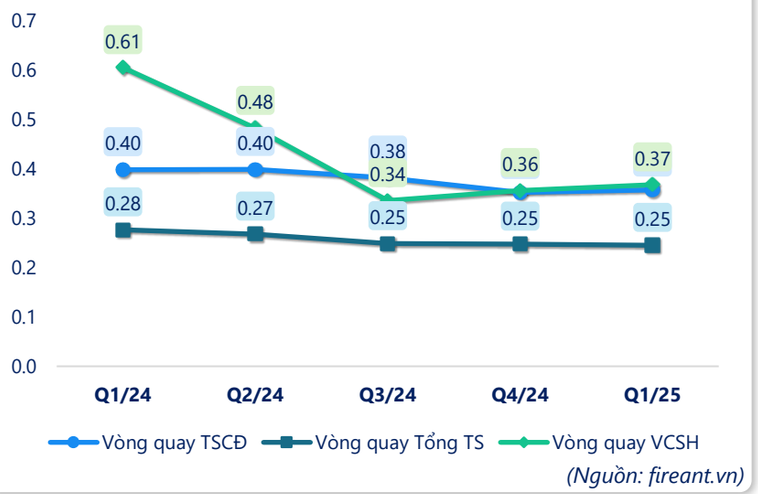
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



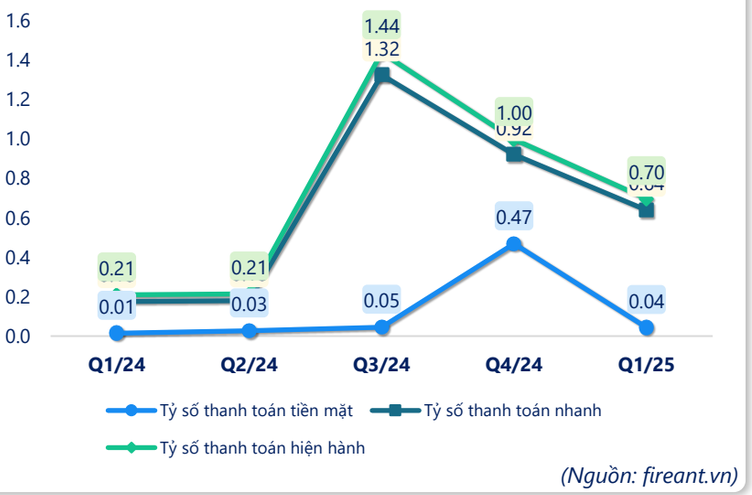
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



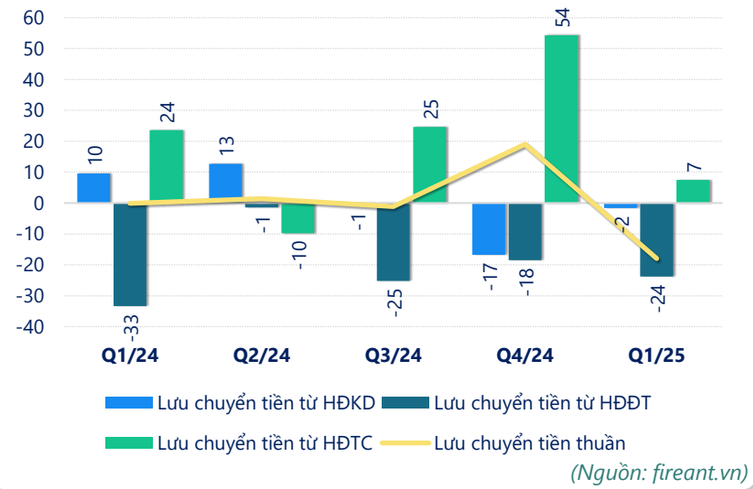
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**724**	**731**	**-0.9%**
Tài sản ngắn hạn	39.2	43.5	-9.8%
Tiền và tương đương tiền	2.47	20.4	-87.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	31.1	16.8	85.6%
Hàng tồn kho	3.29	3.34	-1.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.36	2.96	-20.3%
Tài sản dài hạn	**685**	**688**	**-0.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	511	518	-1.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	112	103	8.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**62.9**	**66.7**	**-5.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	156	147	6.4%
Nợ ngắn hạn	**56.3**	**44.7**	**25.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	34.3	24.1	42.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.4	12.5	15.6%
Nợ dài hạn	99.6	102	-2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	95.7	98.4	-2.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**569**	**584**	**-2.7%**
Vốn chủ sở hữu	**569**	**584**	**-2.7%**
Vốn điều lệ	471	471	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	19.6	68.6	68.4	12.5	19.5
Giá vốn hàng bán	22.9	31.6	32.7	24.9	26.5
Lợi nhuận gộp	-3.30	37.0	35.6	-12.3	-6.99
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	4.95	5.85	5.26	1.84	1.91
Chi phí lãi vay	4.95	5.85	5.26	1.64	1.91
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.91	4.59	4.73	3.08	2.04
Chi phí QLDN	2.50	2.88	2.89	3.58	4.49
LN thuần từ HĐKD	-12.7	23.7	22.8	-20.9	-15.4
Lợi nhuận khác	-0.54	0.46	-0.01	0.19	0.06
LN trước thuế	-13.2	24.1	22.8	-20.7	-15.4
Lợi nhuận sau thuế	-13.6	23.7	22.3	-21.1	-15.9
LNST của CĐ cty mẹ	-13.6	23.7	22.3	-21.1	-15.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.62	12.7	-0.61	-16.8	-1.61
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-33.4	-1.46	-25.2	-18.4	-23.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	23.6	-9.80	24.6	54.3	7.46
Tiền đầu kỳ	1.24	1.12	2.54	1.38	20.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.13**	**1.42**	**-1.16**	**19.0**	**-18.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.12	2.54	1.38	20.4	2.47

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic